

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/nhập khẩu: CÔNG TY TNHH KINH DOANH DỊCH VỤ TRƯỜNG THỊNH PHÚ
- 1.2. Địa chỉ: 229 Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- 1.1. Loại phương tiện: xe mô tô 2 bánh /~~xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác:
- 1.2. Nhãn hiệu: SUZUKI
- 1.3. Tên thương mại: SATRIA F150
- 1.4. Mã kiểu loại (số loại): FU150MFX
- 1.5. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 21KXM/238649
- 1.6. Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 4426/NETC-M/21/C ngày 03/02/2021

2. Thông số kỹ thuật của xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 109kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 239kg
- 2.3. Động cơ :
- 2.3.1. Kiểu động cơ: CGA1 Loại động cơ: 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng
- 2.3.2. Thể tích làm việc (dung tích xy lanh): 147,00 cm³
- 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 13,6 kW /10000 rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~chế hòa khí~~/phun nhiên liệu /~~khác~~:
- 2.5. Hộp số:
- 2.5.1. Điều khiển: cơ khí / ~~tự động~~⁽¹⁾
- 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Cơ khí , 6 số / bằng chân
- 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,923 / 1,933 / 1,476 / 1,217 / 1,045 / 0,925 .
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 2,714
- 2.7. Lốp:
- 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 70/90-17 M/C áp suất lốp: 200 kPa

2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trục 2: 80/90-17 M/C áp suất lốp: 225 kPa

2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định:km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013/.....⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,857 Lít/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai:



5. Ghi chú (nếu có):

.....

.....

TP.HCM, ngày tháng 06 năm 2021

Cơ sở sản xuất/nhập khẩu

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Long